

Số: **3563** /QĐ-BTC

Hà Nội, ngày **21** tháng **10** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính, Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu;

Căn cứ Nghị định số 236/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 04 thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục công nghệ thông tin và chuyển đổi số và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Lãnh đạo Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Website Cục Thuế;
- Văn phòng Bộ Tài chính;
- Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn;
- Thuế tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, CT (VP).

(7b) 

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH**
(Kèm theo Quyết định số 3563/QĐ-BTC ngày 21/10/2025 của Bộ Tài chính)

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính mới thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung mới	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội	Nghị định số 236/2025/NĐ-CP ngày 29/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu	Thuế	Chi cục thuế Doanh nghiệp lớn
2	Đăng ký/thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	Nghị định số 236/2025/NĐ-CP ngày 29/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu	Thuế	Chi cục thuế Doanh nghiệp lớn
3	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt	Nghị định số 236/2025/NĐ-CP ngày 29/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu	Thuế	Chi cục thuế Doanh nghiệp lớn

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung mới	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	chuẩn (QDMTT)	nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu		
4	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR)	Nghị định số 236/2025/NĐ-CP ngày 29/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu	Thuế	Chi cục thuế Doanh nghiệp lớn

Phần II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI TRONG
LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

1. Thủ tục: Thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội

- Trình tự thực hiện:

+ Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 hoặc đơn vị hợp thành được Tập đoàn giao trách nhiệm gửi thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 tới cơ quan thuế được giao nhiệm vụ quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính báo cáo.

+ Trường hợp tập đoàn đa quốc gia có thay đổi đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai hoặc danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải gửi lại thông báo tới cơ quan thuế được giao nhiệm vụ quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu chậm nhất là ngày hết hạn nộp Tờ khai thông tin, Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của năm tài chính báo cáo phát sinh thay đổi.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;
- + Nộp qua đường bưu chính;
- + Nộp hồ sơ điện tử qua cổng giao dịch điện tử.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- + *Thành phần hồ sơ, gồm:*

Thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội theo mẫu số 01/TB-ĐVHT ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP.

- + *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: Không phải trả kết quả cho người nộp thuế.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Đơn vị hợp thành được chỉ định chịu trách nhiệm kê khai của tập đoàn đa quốc gia;

+ Liên doanh không phải thành viên của tập đoàn liên doanh áp dụng quy định QDMTT;

+ Công ty được chỉ định chịu trách nhiệm kê khai của tập đoàn liên doanh áp dụng quy định QDMTT;

+ Đơn vị hợp thành được chỉ định chịu trách nhiệm kê khai của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số áp dụng quy định QMDTT;

+ Đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số không phải là thành viên của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số áp dụng quy định QDMTT.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội theo mẫu số 01/TB-ĐVHT ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Đảm bảo cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để gửi dữ liệu tới cơ quan thuế bằng phương thức điện tử.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị quyết 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

+ Nghị định số 236/2025/NĐ-CP ngày 29/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

- **Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:**

Mẫu số: 01/TB-ĐVHT

TÊN ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
THÔNG BÁOCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO**Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15**

- ☐ Thông báo lần đầu ☐ Thông báo lần đầu sau khi cơ quan thuế chỉ định
- ☐ Thông báo thay đổi Thay đổi lần thứ:...
- ☐ Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT)

Thông tin về loại đối tượng áp dụng quy định QDMTT:

- ☐ Đơn vị hợp thành của Tập đoàn đa quốc gia
- ☐ Liên doanh không phải thành viên của Tập đoàn liên doanh
- ☐ Công ty thành viên thuộc Tập đoàn liên doanh
- ☐ Đơn vị hợp thành của Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số
- ☐ Đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số không phải là thành viên của Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số

- ☐ Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR)

Nội dung thông báo thay đổi:

- ☐ Thay đổi đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai
- ☐ Thay đổi thông tin đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng quy định QDMTT
- ☐ Thay đổi thông tin đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng quy định IIR

Kính gửi:

I. Thông tin chung

1. Tên đơn vị thông báo:
 2. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) tại quốc gia nơi thành lập của đơn vị thông báo:
 3. Địa chỉ trụ sở chính của đơn vị thông báo:
 4. Số điện thoại của đơn vị thông báo:
- Email của đơn vị thông báo:

5. Tên Công ty mẹ tối cao:
6. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) tại quốc gia nơi thành lập của Công ty mẹ tối cao:
7. Địa chỉ trụ sở chính của Công ty mẹ tối cao:
8. Năm tài chính của Công ty mẹ tối cao: Từ...../..... đến...../.....

Trường hợp đối tượng áp dụng quy định QDMTT là Liên doanh không phải thành viên của Tập đoàn liên doanh, Tập đoàn liên doanh, Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số thì khai chi tiêu 9,10,11,12 dưới đây:

9. Tên Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số:
10. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) tại quốc gia nơi thành lập của của Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số:
11. Địa chỉ trụ sở chính của Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số:
12. Năm tài chính của Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số: Từ...../..... đến...../.....

II. Thông tin về đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai

1. Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:
2. Mã số thuế đã được cấp tại Việt Nam:
3. Địa chỉ trụ sở chính:Xã/Phường/Đặc khu.....Tỉnh.....

III. Danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15

1. Danh sách đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng quy định QDMTT

TT	Mã số thuế đã được cấp tại Việt Nam	Tên đơn vị hợp thành	Địa chỉ trụ sở chính

2. Danh sách đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng quy định IIR

2.1. Thông tin về các công ty mẹ thuộc đối tượng áp dụng quy định IIR

TT	Loại hình công ty mẹ	Mã số thuế đã được cấp tại Việt Nam	Tên Công ty mẹ	Địa chỉ trụ sở chính

2.2. Thông tin về các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng quy định IIR

TT	Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự)	Tên đơn vị hợp thành	Quốc gia cư trú	Địa chỉ trụ sở chính

[Tên đơn vị thực hiện thông báo] cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này.

**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN THÔNG BÁO hoặc ĐẠI DIỆN
HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ THỰC HIỆN THÔNG BÁO**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

2. Thủ tục: Đăng ký/thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

- Trình tự thực hiện:

+ Đăng ký thuế lần đầu: Đối tượng đăng ký thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 236/2025/NĐ-CP nộp hồ sơ đăng ký thuế theo đúng quy định chậm nhất sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính báo cáo. Đối tượng đăng ký thuế được cấp mã số thuế 10 chữ số để trực tiếp kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

+ Thay đổi thông tin đăng ký thuế:

++ Trường hợp Tập đoàn đa quốc gia thay đổi thông tin về tập đoàn trên Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin đăng ký thuế thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có trách nhiệm nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế tới cơ quan thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi.

++ Trường hợp tập đoàn đa quốc gia thay đổi đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai tại Việt Nam thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai mới có trách nhiệm nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế tới cơ quan thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi.

- Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ điện tử qua cổng giao dịch điện tử.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin đăng ký thuế theo Mẫu số 01-ĐKTD-DVHT ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

+ Đơn vị hợp thành được chỉ định chịu trách nhiệm kê khai của tập đoàn đa quốc gia;

+ Liên doanh không phải thành viên của tập đoàn liên doanh áp dụng quy định QDMTT;

+ Công ty được chỉ định chịu trách nhiệm kê khai của tập đoàn liên doanh áp dụng quy định QDMTT;

+ Đơn vị hợp thành được chỉ định chịu trách nhiệm kê khai của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số áp dụng quy định QDMTT;

+ Đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số không phải là thành viên của tập đoàn

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo mã số thuế theo Mẫu số 01-MST-ĐVHT ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Tờ khai, đăng ký/thay đổi thông tin đăng ký thuế theo Mẫu số 01-ĐKTD-ĐVHT ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Đảm bảo cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để gửi dữ liệu tới cơ quan thuế bằng phương thức điện tử.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị quyết 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

+ Nghị định số 236/2025/NĐ-CP ngày 29/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

- **Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ/THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

*(Dành cho đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai
theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu)*

☐ Đăng ký lần đầu ☐ Đăng ký thay đổi Thay đổi lần thứ:...

☐ Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT)

☐ Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR)

1. Thông tin Tập đoàn đa quốc gia:	
1a. Tên Công ty mẹ tối cao:.....	
1b. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) của Công ty mẹ tối cao:...	
1c. Tên Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số:.....	
1d. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) của Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số:.....	
2. Thông tin đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:	
2a. Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:.....	
2b. Mã số thuế đã được cấp tại Việt Nam:	
3. Thông tin đại lý thuế (nếu có):	
3a. Tên:	
3b. Mã số thuế:	
3c. Hợp đồng đại lý thuế: Số..... Ngày:	
4. Địa chỉ trụ sở của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai	5. Địa chỉ nhận thông báo của cơ quan thuế của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai
4a. Số nhà, đường phố, thôn, xóm:	5a. Số nhà, đường phố, thôn, xóm:
4b. Xã/ phường/đặc khu:	5b. Xã/ phường/đặc khu:..
4c. Tỉnh/Thành phố:	5c. Tỉnh/Thành phố:
4d. Điện thoại: /Fax:	5d. Điện thoại: /Fax:
Email:	Email:
6. Năm tài chính của Công ty mẹ tối cao, Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số: Từ/..... đến/.....	

7. Thông tin người đại diện theo pháp luật của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:

7a. Tên:

7b. Số định danh cá nhân:

7c. Địa chỉ nơi thường trú:

7d. Thông tin khác

Điện thoại: Email:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai.

..., ngày ... / ... /

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số

**ĐƠN VỊ HỢP THÀNH CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI
hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ HỢP THÀNH
CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI**

*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/
Ký điện tử)*

3. Thủ tục: Khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT)

- Trình tự thực hiện:

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai thực hiện nộp hồ sơ khai thuế theo quy định về thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT) chậm nhất là 12 tháng sau ngày kết thúc năm tài chính.

Thời hạn nộp Tờ khai thông tin theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tập đoàn đa quốc gia và Thông báo đơn vị hợp thành đã nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại nước có Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam chậm nhất là 18 tháng sau ngày kết thúc năm tài chính đối với năm đầu tiên mà bất kỳ đơn vị hợp thành nào của Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết số 107/2023/QH15; 15 tháng sau ngày kết thúc năm tài chính đối với các năm tiếp theo.

- Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ điện tử qua cổng giao dịch điện tử.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (Mẫu số 01/TKTT-QDMTT) ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP;

++ Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung (Mẫu số 01/TNDN-QDMTT) ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP;

++ Bản thuyết minh giải trình chênh lệch do khác biệt giữa các chuẩn mực kế toán tài chính (Mẫu số 01/TM) ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP;

++ Thông báo đơn vị hợp thành đã nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại nước có Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam (Mẫu số 03/TB-ĐVHT) ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP (nếu có);

++ Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tập đoàn đa quốc gia đối với phần thông tin chung của tập đoàn đa quốc gia, thông tin về cấu trúc Tập đoàn và thông tin liên quan đến việc tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung của các đơn vị hợp thành tại Việt Nam, trừ trường hợp tập đoàn đa quốc gia không phải nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu ở bất kỳ quốc gia nào (bản chính hoặc bản sao);

++ Báo cáo số liệu tài chính từng đơn vị hợp thành sử dụng cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao (bản chính hoặc bản sao).

+ *Số lượng hồ sơ*: 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết**: Không phải trả kết quả cho người nộp thuế.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Đơn vị hợp thành hoặc tập hợp các đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam trong năm tài chính phải áp dụng quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính**: Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

- **Lệ phí**: Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**:

++ Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (Mẫu số 01/TKTT-QDMTT) ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP;

++ Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung (Mẫu số 01/TNDN-QDMTT) ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP;

++ Bản thuyết minh giải trình chênh lệch do khác biệt giữa các chuẩn mực kế toán tài chính (Mẫu số 01/TM) ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP;

++ Thông báo đơn vị hợp thành đã nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại nước có Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam (Mẫu số 03/TB-ĐVHT) ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP (nếu có);

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**: Đảm bảo cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để gửi dữ liệu tới cơ quan thuế bằng phương thức điện tử.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

+ Nghị quyết 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

+ Nghị định số 236/2025/NĐ-CP ngày 29/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm

2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

- Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

Mẫu số: 01/TKTT-QDMTT



9. (Mẫu số
01-TKTT-QDMTT) To

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THÔNG TIN

(Áp dụng đối với quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn)

[01] Năm tài chính báo cáo: Năm Từ đến

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:.....

[05] Mã số thuế theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu:

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền:.....

I THÔNG TIN TẬP ĐOÀN ĐA QUỐC GIA

1.1 Thông tin về đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai

1. Công ty mẹ tối cao là đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai	2. Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai	3. Mã số thuế của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	4. Quốc gia có Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam (nếu có)
☐ Có ☐ Không			

1.2 Thông tin chung của Tập đoàn đa quốc gia

1.2.1 Thông tin về năm tài chính của Tập đoàn đa quốc gia

1. Tên Tập đoàn đa quốc gia	2. Ngày bắt đầu năm tài chính	3. Ngày kết thúc năm tài chính

1.2.2 Thông tin kế toán chung của Tập đoàn đa quốc gia

1. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao	2. Chuẩn mực kế toán tài chính được sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao	3. Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao

1.3 Cấu trúc Tập đoàn

1.3.1 Công ty mẹ tối cao

1. Quốc gia Công ty mẹ tối cao cư trú	
2. Tên Công ty mẹ tối cao	
3. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp của Công ty mẹ tối cao	

1.3.2 Các đơn vị của Tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam

Thay đổi so với năm tài chính báo cáo trước	☐ Có ☐ Không
---	---

1. Tên của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	2. Mã số thuế	3. Loại hình theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

1.3.3 Đơn vị bị loại trừ

Thay đổi so với năm tài chính báo cáo trước	☐ Có ☐ Không
---	---

1. Tên đơn vị bị loại trừ	2. Mã số thuế	3. Loại hình đơn vị bị loại trừ

1.3.4 Thay đổi về cấu trúc Tập đoàn phát sinh trong năm tài chính báo cáo

a. Thay đổi về cấu trúc Tập đoàn trong năm tài chính ảnh hưởng tới cách tính thuế suất thực tế, thuế bổ sung hoặc việc tính toán, phân bổ thuế bổ sung	b. Thay đổi về cấu trúc Tập đoàn trong năm tài chính không ảnh hưởng tới cách tính thuế suất thực tế, thuế bổ sung hoặc việc tính toán, phân bổ thuế bổ sung
☐	☐

1. Tên của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	2. Mã số thuế	3. Ngày có hiệu lực thay đổi	4. Loại hình theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trước thay đổi	5. Loại hình theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu sau thay đổi

2 Quy định giảm trừ trách nhiệm áp dụng tại Việt Nam

2.1 Quy định giảm trừ trách nhiệm tại Việt Nam

1. Quy định giảm trừ trách nhiệm áp dụng	
--	--

2.1.1. Quy định giảm trừ trách nhiệm - Phương pháp tính toán đơn giản đối với đơn vị hợp thành không trọng yếu

	1. Tổng doanh thu của tất cả các đơn vị hợp thành không trọng yếu tại Việt Nam	2. Tổng số thuế được đơn giản hóa của tất cả các đơn vị hợp thành không trọng yếu tại Việt Nam
a. Năm tài chính báo cáo		
b. Năm tài chính liên kế trước đó (nếu áp dụng)		Không áp dụng
c. Năm tài chính thứ 2 liên kế trước đó (nếu áp dụng)		Không áp dụng
d. Bình quân 3 năm tài chính (nếu áp dụng)		Không áp dụng

2.1.2 Quy định giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong thời gian chuyển tiếp

1. Tổng doanh thu của Tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam	2. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc lỗ của Tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam	3. Tổng các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được đơn giản hóa	4. Thuế suất thực tế được đơn giản hóa

2.2 Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn được xác định bằng 0

☐ Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn tại Việt Nam được xác định bằng 0
--

	1. Doanh thu tài báo cáo tài chính	2. Doanh thu theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	3. Thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính	4. Thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu
a. Năm tài chính báo cáo				
b. Năm tài chính liên kế trước đó (nếu áp dụng)				
c. Năm tài chính thứ 2 liên kế trước đó (nếu áp dụng)				
d. Bình quân 3 năm tài chính				

2.3. Giảm trừ trách nhiệm trong giai đoạn đầu thực hiện hoạt động đầu tư quốc tế

1. Ngày đầu tiên của năm tài chính đầu tiên mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	
2. Nước tham chiếu	
3. Giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình của tất cả các đơn vị hợp thành tại nước tham chiếu trong năm tài chính đầu tiên mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	
4. Số quốc gia mà Tập đoàn đa quốc gia có đơn vị hợp thành cư trú trong năm tài chính mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu nằm trong phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	
5. Giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình của các đơn vị hợp thành cư trú ngoài nước tham chiếu trong năm tài chính mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	(Giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình của tất cả các đơn vị hợp thành cư trú tại từng quốc gia)
Quốc gia A	...
...	...
...	...

6. Số quốc gia mà Tập đoàn đa quốc gia có đơn vị hợp thành cư trú trong năm tài chính báo cáo	
7. Tổng giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình của tài cả các đơn vị hợp thành cư trú tại các nước khác nước tham chiếu trong năm tài chính báo cáo	

3. Tính toán theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu

3.1. Xác định lợi nhuận tính thuế bổ sung

3.1.1. Xác định thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

1. Tổng thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính sau khi thực hiện phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa một công ty chính và một cơ sở thường trú, phần bổ thu nhập hoặc lỗ của một cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	2. Các khoản điều chỉnh																				3. Thu nhập ròng theo Quy định thuế tối thiểu toàn cầu
	2.1. Chi phí thuế ròng	2.2. Có tức được loại trừ	2.3. Lãi hoặc lỗ chủ sở hữu được loại trừ	2.4. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại	2.5. Lãi hoặc lỗ về chênh lệch tỷ giá do sử dụng đồng tiền kế toán và đồng tiền tính thuế khác nhau	2.6. Các khoản chi phí không được trừ theo quy định	2.7. Sai sót của các kỳ trước	2.8. Những thay đổi về nguyên tắc kế toán	2.9. Chi phí hưu trí trích trước của Chương trình hưu trí do các quỹ hưu trí cung cấp	2.10. Xóa nợ	2.11. Khoản chi phí phát sinh chi trả cho người làm công đưa trên tờ phiếu	2.12. Điều chỉnh theo nguyên tắc giá thị trường	2.13. Khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả không đạt chuẩn	2.14. Điều chỉnh đối với thỏa thuận tài chính thực sinh đối với các tài sản và nợ phải trả đang được hạch toán theo giá trị hợp lý hoặc giá trị suy giảm	2.15. Điều chỉnh đối với thỏa thuận tài chính trong nội bộ tập đoàn	2.16. Điều chỉnh khoản thu nhập hoặc lỗ tương ứng phân bổ theo hợp đồng bảo hiểm liên quan đến thu nhập của chủ hợp đồng bảo hiểm	2.17. Điều chỉnh liên quan đến phân bổ vốn góp một thành viên bị hạn chế	2.18. Điều chỉnh đối với các đơn vị hợp thành gia nhập và rời khỏi Tập đoàn đa quốc gia	2.19. Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	2.20. Thu nhập văn tài quốc tế được loại trừ	2.21. Điều chỉnh do giao dịch chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30/11/2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp

3.1.2. Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

3.1.2.1. Tổng giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

1. Giá trị tiền lương được giảm trừ		2. Giá trị tài sản hữu hình được giảm trừ		3. Tổng giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu
3.1. Chi tiền lương hợp lệ	1.2. Tỷ lệ giảm trừ	2.1. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ	2.2. Tỷ lệ giảm trừ	

3.1.2.2. Phân bổ chi tiền lương và giá trị tài sản hữu hình hợp lệ giữa công ty chính và cơ sở thường trú

1. Quốc gia công ty chính cư trú	2. Chi tiền lương hợp lệ của công ty chính	3. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của công ty chính	4. Quốc gia cơ sở thường trú cư trú	5. Chi tiền lương hợp lệ được phân bổ cho cơ sở thường trú	6. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ được phân bổ cho cơ sở thường trú	7. Chi tiền lương hợp lệ sau phân bổ của công ty chính	8. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ sau phân bổ của công ty chính

3.1.2.3. Phân bổ chi tiền lương và giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của các cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển

1. Chi tiền lương hợp lệ của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	2. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	3. Quốc gia đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao cư trú	4. Chi tiền lương hợp lệ được phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao	5. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ được phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao	6. Chi tiền lương hợp lệ của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển sau khi phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao	7. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển sau khi phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao

3.2.1 Tổng số thuốc thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh

3.2.2 Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết

3.2.3 Tính toán theo quốc gia liên quan đến kế toán thuế hoãn lại

3.2.3.1 Các điều chỉnh thuế hoãn lại

a. Tóm tắt tổng quát

b) Phân tích các điều chỉnh

1.1. Chỉ phí thuế thu hồi lại đối với các khoản không được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	1.2. Chỉ phí thuế thu hồi lại đối với các khoản trích trước không được chấp nhận	1.3. Chỉ phí thuế thu hồi lại đối với các khoản trích trước chưa được tính	1.4. Điều chỉnh cách thức xác định giá trị hoặc điều chỉnh việc ghi nhận kế toán liên quan đến tài sản thuế thu hồi lại	1.5. Chỉ phí thuế thu hồi lại phát sinh từ việc tính toán lại do thay đổi thuế suất áp dụng tại một nước	1.6. Chỉ phí thuế thu hồi lại từ việc tạo lập và sử dụng các khoản giảm trừ nghĩa vụ thuế	1.7. Khoản lỗ thay thế từ tài sản thuế thu hồi lại được chuyển kỳ sau	1.8. Các khoản trích trước chưa được tính đã được thanh toán trong năm tài chính	1.9. Các khoản thuế thu hồi lại phải trả được thu hồi hành phát sinh lỗ, nhưng tài sản thuế thu hồi lại do lỗ đã được nộp trong năm tài chính hiện hành	1.10. Tài sản thuế thu hồi lại do lỗ của năm tài chính hiện hành phát sinh lỗ, nhưng tài sản thuế thu hồi lại do lỗ không được ghi trên báo cáo tài chính và không đáp ứng tiêu chuẩn được kê toán ghi nhận là tài sản thuế thu hồi lại	1.11. Khoản điều chỉnh chi phí thuế thu hồi lại do giảm thuế suất	1.12. Khoản điều chỉnh chi phí thuế thu hồi lại do tăng thuế suất	1.13. Điều chỉnh đối với hợp thành tham gia hoặc rời khỏi Tập đoàn đa quốc gia	1.14. Điều chỉnh chỉ phí thuế thu hồi lại của cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	1.15. Điều chỉnh do giao dịch chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30/11/2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp	2. Tổng các khoản điều chỉnh
---	--	--	---	--	---	---	--	---	---	---	---	--	---	--	------------------------------

3.2.3.2 Cơ chế thu hồi

1. Năm tài chính	2. Khoản thuế hoàn lại phải trả được ghi nhận theo cơ chế xử lý các khoản chênh lệch tạm thời	3. Khoản thuế hoàn lại phải trả được thu hồi						4. Khoản thuế hoàn lại phải trả không được thu hồi
		Năm tài chính liền trước thứ 4	Năm tài chính liền trước thứ 3	Năm tài chính liền trước thứ 2	Năm tài chính liền trước thứ nhất	Năm tài chính báo cáo	Tổng cộng	
Năm tài chính liền trước thứ 5								
Năm tài chính liền trước thứ 4		Không áp dụng						
Năm tài chính liền trước thứ 3		Không áp dụng	Không áp dụng					
Năm tài chính liền trước thứ 2		Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng				
Năm tài chính liền trước thứ nhất		Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng			
Năm tài chính báo cáo		Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	

3.2.3.3 Quy tắc chuyển tiếp

1. Năm chuyển tiếp	
--------------------	--

a. Xử lý khoản thuế hoàn lại phải trả và khoản tài sản thuế hoàn lại trong thời gian chuyển tiếp

a.1. Xử lý khoản thuế hoàn lại phải trả

1. Khoản thuế hoàn lại phải trả	
1.1. Khoản thuế hoàn lại phải trả tại đầu năm chuyển tiếp	1.2. Khoản thuế hoàn lại phải trả được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu (nếu áp dụng)

a.2. Xử lý khoản tài sản thuế hoàn lại

1. Khoản tài sản thuế hoàn lại			
1.1. Tài sản thuế hoàn lại tại đầu năm chuyển tiếp	1.2. Tài sản thuế hoàn lại được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu (nếu áp dụng)	1.3. Tài sản thuế hoàn lại phát sinh từ những khoản mục được loại trừ	1.4. Tài sản thuế hoàn lại được ghi nhận theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

b. Chuyển nhượng tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30 tháng 11 năm 2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp

1. Quốc gia các đơn vị hợp thành chuyển nhượng cư trú	2. Số thuế bên chuyển nhượng tài sản đã nộp đối với giao dịch chuyển nhượng	3. Tài sản thuế hoàn lại hoặc thuế hoàn lại phải trả ròng ghi nhận trên sổ kế toán của đơn vị hợp thành chuyển nhượng tài sản	4. Giá trị tài sản chuyển nhượng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	5. Tài sản thuế hoàn lại hoặc thuế hoàn lại phải trả ròng được xác định đối với tài sản được chuyển nhượng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành nhận chuyển nhượng

3.3 Lựa chọn quốc gia

3.3.1 Các lựa chọn

3.3.1.1 Lựa chọn hàng năm

1. Lựa chọn xác định khoản giảm không trọng yếu của các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng là mỗi khoản điều chỉnh đối với các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng trong năm tài chính thực hiện việc điều chỉnh	2. Lựa chọn không áp dụng quy định về giảm trừ giá trị tài sản hữu hình và tiền lương	3. Lựa chọn quy trình quản lý đối với chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết
☐	☐	☐

3.3.1.2 Lựa chọn năm năm

1. Lựa chọn không áp dụng điều chỉnh lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu	2. Lựa chọn thay thế các khoản chi phí phát sinh chi trả cho người làm công dựa trên cổ phiếu được ghi nhận theo sổ kế toán bằng khoản chi phí được trừ theo quy định tính thuế thu nhập	3. Lựa chọn nguyên tắc thực tế phát sinh đối với các tài sản và nợ phải trả đang được hạch toán theo giá trị hợp lý hoặc giá trị suy giảm trong Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn	Năm lựa chọn

3.3.1.3. Lựa chọn lỗ theo quy định về tối thiểu toàn cầu

1. Lựa chọn lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	
Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn

3.3.2 Thông tin liên quan đến lựa chọn không áp dụng điều chỉnh lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu

1. Lãi hoặc lỗ vốn chủ sở hữu đối với lựa chọn không áp dụng điều chỉnh lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu	2. Số dư khoản đầu tư của chủ sở hữu trong quyền sở hữu đại chuẩn từ những năm tài chính trước	3. Phần bổ sung vào khoản đầu tư của chủ sở hữu trong quyền sở hữu đại chuẩn	4. Phần giảm trừ vào khoản đầu tư của chủ sở hữu trong quyền sở hữu đại chuẩn	5. Số dư còn lại của khoản đầu tư của chủ sở hữu trong quyền sở hữu đại chuẩn

3.4 Xác định thuế suất thực tế

1. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính	2. Thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	3. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính	4. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh	5. Thuế suất thực tế

3.5 Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành

3.5.1 Số thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành phát sinh trong trường hợp thuế suất thực tế và thuế bổ sung của năm tài chính trước đó phải tính toán lại

1. Cơ sở điều chỉnh	2. Năm liên quan	3. Thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu		4. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh		5. Thuế suất thực tế (%)		6. Lợi nhuận tính thuế bổ sung		7. Tỷ lệ thuế bổ sung (%)		8. Thuế bổ sung		9. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành
		a. Đã báo cáo	b. Tính lại	a. Đã báo cáo	b. Tính lại	a. Đã báo cáo	b. Tính lại	a. Đã báo cáo	b. Tính lại	a. Đã báo cáo	b. Tính lại	a. Đã báo cáo	b. Tính lại	

3.5.2 Số tiền thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành phát sinh trong trường hợp năm tài chính không có thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại một nước, nếu thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh tại một nước nhỏ hơn 0 và thấp hơn thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh theo dự kiến

1. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh (nếu nhỏ hơn 0) [1]	2. Lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu [2]	3. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh dự kiến [3] $15\% \times [2]$	4. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành [4] $= [3] - [1]$

3.6 Tính toán thuế bổ sung

1. Tỷ lệ thuế bổ sung [1] = $15\% - \text{ETR}$	2. Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ [2]	3. Lợi nhuận tính thuế bổ sung [3] Thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu - [2]	4. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành [4]	5. Thuế bổ sung [5] $(1) \times [3] + [4]$

4 Số liệu tính toán của các đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh

4.1 Thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

4.1.1 Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính

1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	2. Mã số thuế	3. Tổng thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính sau khi thực hiện phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa một công ty chính và một cơ sở thường trú, phân bổ thu nhập hoặc lỗ của của một cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	4. Các khoản điều chỉnh																			5. Thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu
			4.1. Chi phí thuế ròng	4.2. Cổ tức được loại trừ	4.3. Lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu được loại trừ	4.4. Lãi hoặc lỗ đo đánh giá lại	4.5. Lãi hoặc lỗ về chênh lệch tỷ giá đo sử dụng đồng tiền kế toán và đồng tiền tính thuế khác nhau	4.6. Các khoản chi phí không được trừ theo quy định	4.7. Sai sót của các kỳ trước	4.8. Những thay đổi về nguyên tắc kế toán	4.9. Chi phí hưu trí trích trước của Chương trình hưu trí đo các quỹ hưu trí cung cấp	4.10. Xóa nợ	4.11. Khoản chi phí phát sinh cho người làm công dựa trên cổ phiếu	4.12. Điều chỉnh theo tác giá thị trường	4.13. Khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả không đạt chuẩn	4.14. Điều chỉnh đo lựa chọn nguyên tắc thực đối sinh với các tài sản và nợ phải trả đang được hạch toán theo giá trị hợp lý hoặc giá trị suy giảm	4.15. Điều chỉnh đối với thuế thu nhập tài chính nội bộ tập đoàn	4.16. Điều chỉnh khoản thu nhập hoặc ứng phần thuế nộp thay chủ hợp đồng bảo hiểm liên quan đến thu nhập của chủ hợp đồng bảo hiểm	4.17. Điều chỉnh liên quan đến phân bổ một phần chi phí chung	4.18. Điều chỉnh đối với các đơn vị tham gia và rời khỏi Tập đoàn đa quốc gia	4.19. Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ tài chính về lợi nhuận của cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	

4.1.2 Phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa một công ty chính và một cơ sở thường trú

1. Tên công ty chính	2. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp công ty chính	3. Quốc gia công ty chính cư trú	4. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính của công ty chính ước khi điều chỉnh	5. Tên cơ sở thường trú	6. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp cơ sở thường trú	7. Quốc gia cơ sở thường trú cư trú	8. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính của công ty chính phân bổ cho cơ sở thường trú	9. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính của công ty chính sau khi phân bổ cho cơ sở thường trú
...								

4.1.3 Phân bổ thu nhập hoặc lỗ của cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển

1. Tên cơ sở thường trú	2. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp cơ sở thường trú	3. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính của cơ sở thường trú trước khi điều chỉnh	4. Tên đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao	5. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp của đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao	6. Quốc gia đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao cư trú	7. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính của cơ sở thường trú phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao	8. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính của cơ sở thường trú sau khi phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao
...							

4.1.4 Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đối với các giao dịch xuyên quốc gia

1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	2. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	3. Cơ sở của sự điều chỉnh	4. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan	5. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan	6. Quốc gia đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan cư trú	7. Giá trị điều chỉnh tăng thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	8. Giá trị điều chỉnh giảm thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh
...							

4.2 Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh

4.2.1 Điều chỉnh đối với chi phí thuế hiện hành trong sổ kế toán

1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	3. Thuế thuộc phạm vi áp dụng sau khi thực hiện phân bổ từ một đơn vị hợp thành này sang đơn vị hợp thành khác	4. Các khoản điều chỉnh													5. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh
			4.1. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được hạch toán là chi phí khi tính lợi nhuận trước thuế trong sổ kế toán	4.2. Khoản lãi sản xuất thuế hoàn tại do lỗ được theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được sử dụng trước thuế trong sổ kế toán	4.3. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được nộp trong năm tài chính và liên quan đến nghiệp vụ thuế không chắc chắn (chờ điều chỉnh) mà trong phần điều chỉnh trừ khoản đó nằm trong phần điều chỉnh thuế thuộc phạm vi áp dụng trong một năm tài chính trước đó theo quy định	4.4. Khoản chi phí thuế hiện hành liên quan đến thu nhập không được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định	4.5. Khoản giảm trừ hoặc khoản hoàn trả thuế mà doanh nghiệp không được ghi nhận là một khoản giảm chi phí thuế hiện hành	4.6. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được hoàn trả hoặc giảm trừ của một đơn vị hợp thành mà đã không được ghi nhận là khoản điều chỉnh chi phí thuế hiện hành trong sổ kế toán	4.7. Khoản chi phí thuế hiện hành liên quan đến nghiệp vụ thuế không chắc chắn (chờ điều chỉnh)	4.8. Khoản chi phí thuế hiện hành dự kiến không được thanh toán trong vòng ba năm kể từ ngày cuối của năm tài chính	4.9. Những điều chỉnh thuế phát sinh sau khi kê khai	4.10. Điều chỉnh thuế thuộc phạm vi áp dụng của cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	4.11. Tổng các khoản điều chỉnh thuế hoàn tại	4.12. Tăng hoặc giảm đối với các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng chưa được ghi nhận vào chi phí thuế hiện hành hoặc chi phí thuế hoàn tại, nhưng được ghi nhận trong phần vốn chủ sở hữu hoặc phần thu nhập toàn diện khác liên quan đến các khoản được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu mà các khoản này sẽ phải chịu thuế theo quy định của thuế nội địa	4.13. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa được bù trừ hết phát sinh trong năm tài chính bảo cáo	4.14. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa được sử dụng năm tài chính bảo cáo
...																

4.2.2 Phân bổ thuế thuộc phạm vi áp dụng từ một đơn vị hợp thành sang một đơn vị hợp thành khác

1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	3. Thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành trước điều chỉnh	4. Cơ sở của sự điều chỉnh	5. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan	6. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan	7. Quốc gia cư trú của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan	8. Giá trị khoản điều chỉnh tăng khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	9. Giá trị khoản điều chỉnh giảm khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	10. Thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh sau khi điều chỉnh
...									

4.2.3 Điều chỉnh thuế hoàn lại

1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	3. Các điều chỉnh														4. Tổng các khoản điều chỉnh thuế hoàn lại
		3.1. Chi phí thuế hoàn lại đối với các khoản không được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	3.2. Chi phí thuế hoàn lại đối với các khoản trích trước không được chấp nhận	3.3. Chi phí thuế hoàn lại đối với các khoản trích trước chưa được tính	3.4. Điều chỉnh cách thức xác định giá trị hoặc điều chỉnh việc ghi nhận kế toán liên quan đến tài sản thuế hoàn lại	3.5. Chi phí thuế hoàn lại phát sinh từ việc thay đổi do dung các khoản giảm trừ thuế suất áp dụng được ghi nhận tại một nước	3.6. Chi phí thuế hoàn lại từ việc tạo lập sản phẩm được chuyển ký sau	3.7. Khoản lỗ thay thế từ tài sản thuế được tính đã được thanh toán trong năm tài chính	3.8. Các khoản thuế hoàn lại phải trả được thu hồi trước năm tài chính hiện hành	3.9. Các khoản thuế hoàn lại phải được xác định trong năm tài chính trước đó và đã được nộp trong năm tài chính hiện hành	3.10. Tài sản thuế hoàn lại do lỗ của hành phát sinh lỗ, nhưng tài sản thuế không được ghi trên báo cáo tài chính vì không đáp ứng tiêu chuẩn được kê toán ghi nhận là tài sản thuế hoàn lại	3.11. Khoản điều chỉnh chi phí thuế hoàn lại do giảm thuế suất	3.12. Khoản điều chỉnh chi phí thuế hoàn lại do tăng thuế suất	3.13. Đơn vị hợp thành tham gia Tập đoàn đa quốc gia	3.14. Chi phí thuế hoàn lại của cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển	3.15. Điều chỉnh giao dịch chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30/11/2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp
...																

4.3. Các lựa chọn của đơn vị hợp thành

4.3.1 Lựa chọn hằng năm

1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh lựa chọn	2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	3. Lựa chọn xóa nợ	4. Lựa chọn không tính vào tổng các khoản điều chỉnh thuế hoàn lại khoản trích trước chưa được tính trong năm tài chính
		☐	☐

4.3.2 Lựa chọn năm năm

1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh lựa chọn	2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	3. Lựa chọn đơn vị hợp thành không phải là đơn vị bị loại		4. Lựa chọn tính tất cả các khoản cổ tức liên quan đến quyền sở hữu đầu tư gián tiếp để xác định thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, không phụ thuộc vào việc các quyền sở hữu đầu tư gián tiếp là ngắn hạn		5. Lựa chọn điều chỉnh lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá liên quan đến công cụ tài chính dự phòng rủi ro đối với khoản đầu tư ròng được ghi nhận trong thu nhập hoặc lỗ ròng báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành theo cùng nguyên tắc điều chỉnh lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu được loại trừ	
		Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn	Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn	Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn
...							

4.3.3 Lựa chọn điều chỉnh giá trị ghi sổ tài sản và khoản nợ phải trả theo giá trị hợp lý trong trường hợp chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả

1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh lựa chọn	2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	3. Năm lựa chọn	4. Lựa chọn điều chỉnh giá trị ghi sổ tài sản và khoản nợ phải trả theo giá trị hợp lý trong trường hợp chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả	
			4.1. Tính vào năm tài chính có phát sinh sự kiện điều chỉnh	4.2. Phân bổ trong năm (05) năm báo gồm năm tài chính phát sinh sự kiện điều chỉnh và bốn (04) năm tài chính liên kế tiếp theo
...			☐	☐

4.4 Loại trừ thu nhập vận tải quốc tế

4.4.1 Loại trừ thu nhập vận tải quốc tế

1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	3. Thu nhập vận tải quốc tế				4. Thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn				5. Ảnh hưởng tới giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ	6. Thuộc thuộc phạm vi áp dụng đối với thu nhập vận tải quốc tế hoặc thu nhập quốc tế phụ trợ đạt chuẩn được loại trừ
		3.1. Danh mục hoạt động	3.2. Doanh thu	3.3. Chi phí	3.4. Thu nhập vận tải quốc tế	4.1. Danh mục hoạt động	4.2. Doanh thu	4.3. Chi phí	4.4. Thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn		
...											

4.4.2 Giới hạn quốc gia đối với loại trừ thu nhập vận tải quốc tế đạt chuẩn

1. Tổng thu nhập vận tải quốc tế [1]	2. Giới hạn 50% của tổng thu nhập vận tải quốc tế [2] 50% x [1]	3. Tổng thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn [3]	4. Phần vượt mức giới hạn [4] [3] - [2]
...			

4.5 Chuẩn mực kế toán khác chuẩn mực kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao

1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh có thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính được xác định bằng một chuẩn mực kế toán khác chuẩn mực kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao	2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	3. Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc được phép áp dụng
...		

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên.....
Chung chỉ hành nghề số

..... ngày..... tháng năm 20
ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM KẾ KHAI
hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM KẾ KHAI
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))
(Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG

(Áp dụng đối với Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn)

[01] Năm tài chính báo cáo: Năm Từ/...../..... đến/...../.....

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:.....

[05] Mã số thuế theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu:

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

[09] Đồng tiền khai Tờ khai thông tin:

[10] Lựa chọn đồng tiền kê khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung:

Đồng tiền khai Tờ khai thông tin (khác Đồng Việt Nam) ☐ Đồng Việt Nam ☐

[11] Tỷ giá quy đổi trong trường hợp khai Tờ khai thông tin bằng đồng ngoại tệ và lựa chọn khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung bằng đồng Việt Nam: tại Ngân hàng.....

[12] Áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm: ... ☐

I. XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG THEO QUY ĐỊNH VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG TỐI THIỂU NỘI ĐỊA ĐẠT CHUẨN TẠI VIỆT NAM

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Lợi nhuận tính thuế bổ sung ($A = A1 - A4$)	A		
1.1	Thu nhập ròng tại Việt Nam trong năm tài chính theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu ($A1 = A2 - A3$)	A1		
1.1.1	Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành	A2		
1.1.2	Lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành	A3		
2	Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu ($A4 = A5 + A8$)	A4		
2.1	Giá trị tài sản hữu hình được giảm trừ ($A5 = A6 \times A7$)	A5		
2.1.1	Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ	A6		
2.1.2	Tỷ lệ giảm trừ	A7		
2.2	Giá trị tiền lương được giảm trừ ($A8 = A9 \times A10$)	A8		
2.2.1	Chi tiền lương hợp lệ	A9		
2.2.2	Tỷ lệ giảm trừ	A10		
3	Tỷ lệ thuế bổ sung ($B = 15\% - B2$)	B		
3.1	Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh trong năm tài chính của các đơn vị hợp thành tại Việt Nam	B1		

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3.2	Thuế suất thực tế ($B2=B1/A1$)	B2		
4	Số thuế bổ sung được điều chỉnh trong năm hiện hành (nếu có)	C		
5	Tổng số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành tại Việt Nam ($D = A \times B + C$)	D		
6	Tổng số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành theo đồng Việt Nam trong trường hợp khai Tờ khai thông tin bằng đồng ngoại tệ và lựa chọn khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung bằng đồng Việt Nam (nếu có)	E		

II. PHÂN BỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG THEO QUY ĐỊNH VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG TỐI THIỂU NỘI ĐỊA ĐẠT CHUẨN GIỮA CÁC ĐƠN VỊ HỢP THÀNH TẠI VIỆT NAM

Đơn vị tiền:

Tiêu thức phân bổ số thuế TNDN bổ sung phải nộp theo quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn giữa các đơn vị hợp thành tại Việt Nam:.....

TT.	Tên đơn vị hợp thành	Mã số thuế được cấp tại Việt Nam	Cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị hợp thành	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế TNDN bổ sung phải nộp được phân bổ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng	x	x		

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày..... tháng..... năm ...

ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI

hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

/Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN THUYẾT MINH GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH DO KHÁC BIỆT
CHUẨN MỰC KẾ TOÁN TÀI CHÍNH**

[01] Năm tài chính báo cáo: Năm Từ/...../..... đến/...../.....

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:

[05] Mã số thuế theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu:

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

[09] Đồng tiền sử dụng lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao:.....

[10] Áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm: ... ☐

TT	Mã số thuế đơn vị hợp thành	Tên đơn vị hợp thành	Chỉ tiêu	Mã số chỉ tiêu	Số liệu trên Báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành	Số liệu trên Báo cáo số liệu tài chính phục vụ mục đích hợp nhất của Công ty mẹ tối cao	Chênh lệch	Nguyên nhân chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (7) - (6)	(9)

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai.

..., ngày..... tháng..... năm ...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

**ĐƠN VỊ HỢP THÀNH CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI
hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ HỢP THÀNH
CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

/Ký điện tử

Mẫu số: 03/TB-ĐVHT

**TÊN ĐƠN VỊ HỢP THÀNH
CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Đơn vị hợp thành đã nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại nước có Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam

Năm tài chính báo cáo: Năm Từ/...../..... đến/...../.....

Kính gửi:

1. Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:

2. Mã số thuế được cấp theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu:.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Đơn vị hợp thành đã nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại nước có Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam:

4.1. Tên đơn vị hợp thành:

4.2: Mã số thuế được cấp tại Việt Nam (nếu có):

4.3. Quốc gia cư trú:

[Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai] cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này.

**ĐƠN VỊ HỢP THÀNH CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ HỢP THÀNH CHỊU
TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

4. Thủ tục: Khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR)

- Trình tự thực hiện:

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai thực hiện nộp hồ sơ khai thuế theo quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR) chậm nhất là 18 tháng sau ngày kết thúc năm tài chính đối với năm đầu tiên tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng; thời hạn chậm nhất là 15 tháng sau ngày kết thúc năm tài chính đối với các năm tiếp theo.

- Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ điện tử qua cổng giao dịch điện tử.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

++ Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (Mẫu số 01/TKTT-IIR) ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP;

++ Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung (Mẫu số 01/TNDN-IIR) ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP;

++ Bản thuyết minh giải trình chênh lệch do khác biệt giữa các chuẩn mực kế toán tài chính (Mẫu số 01/TM) ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP;

++ Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao (bản chính hoặc bản sao);

++ Báo cáo số liệu tài chính của từng đơn vị hợp thành sử dụng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao (bản chính hoặc bản sao).

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết:** Không phải trả kết quả cho người nộp thuế.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Công ty mẹ tối cao, công ty mẹ bị sở hữu một phần, công ty mẹ trung gian tại Việt Nam là đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia, nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp quyền sở hữu đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp tại nước ngoài theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại bất kỳ thời điểm nào trong năm tài chính phải áp dụng quy định tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

++ Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (Mẫu số 01/TKTT-IIR) ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP;

++ Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung (Mẫu số 01/TNDN-IIR) ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP;

++ Bản thuyết minh giải trình chênh lệch do khác biệt giữa các chuẩn mực kế toán tài chính (Mẫu số 01/TM) ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Đảm bảo cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để gửi dữ liệu tới cơ quan thuế bằng phương thức điện tử.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị quyết 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

+ Nghị định số 236/2025/NĐ-CP ngày 29/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

- **Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:**

Mẫu số: 01/TKTT-IIR



10. (Mẫu số
01-TKTT-IIR) Tờ khai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THÔNG TIN

(Áp dụng đối với quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu)

[01] Năm tài chính báo cáo: Năm Từ đến

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:

[05] Mã số thuế/mã số doanh nghiệp theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu:

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế/mã số doanh nghiệp:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày:

Đơn vị tiền:

1 THÔNG TIN TẬP ĐOÀN ĐA QUỐC GIA

1.1 Thông tin về đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai

1. Công ty mẹ tối cao là đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai: ☐ Có ☐ Không	2. Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai	3. Mã số thuế của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	4. Quốc gia có Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam (nếu có)
--	--	--	---

1.2 Thông tin chung của Tập đoàn đa quốc gia

1.2.1 Thông tin về năm tài chính của Tập đoàn đa quốc gia

1. Tên Tập đoàn đa quốc gia	2. Ngày bắt đầu năm tài chính	3. Ngày kết thúc năm tài chính
-----------------------------	-------------------------------	--------------------------------

1.2.2 Thông tin kế toán chung của Tập đoàn đa quốc gia

1. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao	2. Chuẩn mực kế toán tài chính được sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao	3. Đơn vị tiền sẽ được sử dụng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao
--	---	--

1.3 Cấu trúc Tập đoàn

1.3.1 Công ty mẹ tối cao

1. Tên Công ty mẹ tối cao	
2. Mã số thuế của Công ty mẹ tối cao	
3. Loại hình của Công ty mẹ tối cao theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	
4. Loại hình của Công ty mẹ tối cao nếu Công ty mẹ tối cao là đơn vị bị loại trừ	

1.3.2 Các đơn vị thuộc Tập đoàn đa quốc gia

1.3.2.1 Đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh

Thay đổi so với năm tài chính báo cáo trước	☐ Có ☐ Không
---	---

a Thông tin về quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại quốc gia

1. Quốc gia	2. Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu áp dụng tại quốc gia
-------------	---

b Thông tin về đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh và đơn vị nắm giữ quyền sở hữu trong đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh

1. Quốc gia	2. Thông tin về đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	3. Thông tin về đơn vị nắm giữ quyền sở hữu trong đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh
	2.1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	2.2. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp tại quốc gia cư trú
	2.3. Mã số thuế tại Việt Nam (nếu có)	2.4. Loại hình theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu
	3.1. Tên đơn vị nắm giữ quyền sở hữu	3.2. Loại hình đơn vị nắm giữ quyền sở hữu
		3.3. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp tại quốc gia cư trú
		3.4. Tỷ lệ sở hữu

c Thông tin về đơn vị hợp thành là một Công ty mẹ trung gian hoặc Công ty mẹ bị sở hữu một phần

1. Quốc gia	2. Tên Công ty mẹ	3. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của Công ty mẹ	4. Loại hình Công ty mẹ	5. Công ty mẹ trung gian/Công ty mẹ bị sở hữu một phần có áp dụng quy định IIR không?
...				☐ Có ☐ Không

d

Thông tin về việc áp dụng quy định lợi nhuận chịu thuế dưới mức tối thiểu UTTPR

Giảm trừ trách nhiệm về quy định UTTPR đối với Tập đoàn đa quốc gia có trong giai đoạn đầu thực hiện hoạt động đầu tư quốc tế có được áp dụng không?	☐ Có ☐ Không
--	---

1. Quốc gia	2. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	3. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp tại quốc gia cư trú	4. Tỷ lệ (%) quyền sở hữu tương ứng tỷ lệ phần bổ từ thuế bổ sung của các công ty mẹ được yêu cầu áp dụng quy định IIR đạt chuẩn trong đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5. Tỷ lệ (%) quyền sở hữu tương ứng tỷ lệ phần bổ từ thuế bổ sung của Công ty mẹ tối cao trong đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh có lớn hơn tỷ lệ (%) quyền sở hữu tương ứng tỷ lệ phần bổ từ thuế bổ sung của các công ty mẹ được yêu cầu áp dụng quy định IIR đạt chuẩn trong đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh đó
...				☐ Có ☐ Không

1.3.2 Đơn vị bị loại trừ

Thay đổi số với năm tài chính báo cáo trước	☐ Có ☐ Không
---	---

1. Quốc gia	2. Tên đơn vị bị loại trừ	3. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp đơn vị bị loại trừ	4. Loại hình đơn vị bị loại trừ
...			

1.3.3 Thay đổi về cấu trúc tập đoàn phát sinh trong năm tài chính báo cáo

a. Thay đổi về cấu trúc Tập đoàn trong năm tài chính ảnh hưởng tới cách tính thuế suất thực tế, thuế bổ sung hoặc việc tính toán, phân bổ thuế bổ sung	b. Thay đổi về cấu trúc Tập đoàn trong năm tài chính không ảnh hưởng tới cách tính thuế suất thực tế, thuế bổ sung hoặc việc tính toán, phân bổ thuế bổ sung
☐	☐

1. Tên của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	2. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp tại quốc gia cư trú	3. Ngày có hiệu lực của sự kiện thay đổi	4. Loại hình theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trước thay đổi	5. Loại hình theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu sau thay đổi	6. Tên đơn vị nắm giữ quyền sở hữu trong đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh trước hoặc sau thay đổi	7. Tỷ lệ sở hữu trong đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh trước thay đổi	8. Tỷ lệ sở hữu trong đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh sau thay đổi
...							

1.4 Tóm tắt tổng quát về việc áp dụng quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung nặng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung nặng tại quốc gia (nếu có)	4. Quốc gia có quyền đánh thuế	5. Quy định giảm trừ trách nhiệm được áp dụng	6. Khoảng giá trị thuế suất thực tế	7. Việc áp dụng giảm trừ giá trị tài sản hữu hình và tiền lương làm phát sinh thuế bổ sung	8. Khoảng giá trị thuế bổ sung theo quy định QOMTT	9. Khoảng giá trị thuế bổ sung theo quy định IIR
...						☐ Có ☐ Không ☐ Không áp dụng		

2 Quy định giảm trừ trách nhiệm áp dụng đối với từng quốc gia

2.1 Xác định quy định giảm trừ trách nhiệm đối với từng quốc gia

1. Quốc gia	2. Quy định giảm trừ trách nhiệm áp dụng
...	

2.1.1 Quy định giảm trừ trách nhiệm - Phương pháp tính toán đơn giản đối với đơn vị hợp thành không trọng yếu

1. Quốc gia	2. Tổng doanh thu của tất cả các đơn vị hợp thành không trọng yếu tại quốc gia	3. Tổng số thuế được đơn giản hóa của tất cả các đơn vị hợp thành không trọng yếu tại quốc gia
	a. Năm tài chính báo cáo	b. Năm tài chính liên kế trước đó (nếu áp dụng)
...		

2.1.2 Quy định giảm trừ trách nhiệm trong thời gian chuyển tiếp

2.1.2.1 Quy định giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong thời gian chuyển tiếp

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị áp dụng riêng quy định về giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong thời gian chuyển tiếp	3. Tên nhóm đơn vị áp dụng riêng quy định về giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong thời gian chuyển tiếp	4. Tổng doanh thu của Tập đoàn đa quốc gia tại quốc gia	5. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc lỗ của Tập đoàn đa quốc gia tại quốc gia	6. Tổng các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được đơn giản hóa	7. Thuế suất thực tế được đơn giản hóa (%)
...						

2.1.2.2 Giảm trừ trách nhiệm đối với Quy định lợi nhuận chịu thuế dưới mức tối thiểu (UTTPR)

1. Quốc gia	2. Thuế suất doanh nghiệp
...	

2.2. Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn được xác định bằng 0

1. Quốc gia	2. Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn được xác định bằng 0
	☐ Có ☒ Không

1. Quốc gia	2. Doanh thu tài trợ bảo cáo tài chính	3. Doanh thu theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	4. Thu nhập hoặc lỗ ròng tài trợ bảo cáo tài chính	5. Thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu
	a. Năm tài chính báo cáo b. Năm tài chính liền kề trước đó (nếu áp dụng) c. Năm tài chính thứ 2 liền kề trước đó (nếu áp dụng) d. Bình quân năm tài chính	a. Năm tài chính báo cáo b. Năm tài chính liền kề trước đó (nếu áp dụng) c. Năm tài chính thứ 2 liền kề trước đó (nếu áp dụng) d. Bình quân năm tài chính	a. Năm tài chính báo cáo b. Năm tài chính liền kề trước đó (nếu áp dụng) c. Năm tài chính thứ 2 liền kề trước đó (nếu áp dụng) d. Bình quân năm tài chính	a. Năm tài chính báo cáo b. Năm tài chính liền kề trước đó (nếu áp dụng) c. Năm tài chính thứ 2 liền kề trước đó (nếu áp dụng) d. Bình quân năm tài chính

2.3. Giám trừ trách nhiệm trong giai đoạn đầu thực hiện hoạt động đầu tư quốc tế

1. Ngày đầu tiên của năm tài chính đầu tiên mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	
2. Người tham chiếu	
3. Giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình của tất cả các đơn vị hợp thành tại nước tham chiếu trong năm tài chính đầu tiên mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	
4. Số quốc gia mà Tập đoàn đa quốc gia có đơn vị hợp thành cư trú trong năm tài chính mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu nằm trong phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	
5. Giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình của các đơn vị hợp thành cư trú ngoài nước tham chiếu trong năm tài chính mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	Giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình của tất cả các đơn vị hợp thành cư trú tại từng quốc gia
6. Số quốc gia mà Tập đoàn đa quốc gia có đơn vị hợp thành cư trú trong năm tài chính báo cáo	
7. Tổng giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình của tất cả các đơn vị hợp thành cư trú tại các nước khác nước tham chiếu trong năm tài chính báo cáo	

3. Tính toán theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

3.1. Xác định lợi nhuận tính thuế bổ sung

3.1.1. Xác định thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung năng tại quốc gia (nếu có)	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung năng tại quốc gia (nếu có)	4. Tổng thu nhập hoặc lỗ ròng tài trợ bảo cáo tài chính sau khi thực hiện phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa một công ty chính và một cơ sở thường trú, phân bổ thu nhập hoặc lỗ của đơn vị trung chuyển	5. Các khoản điều chỉnh	6. Thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

3.1.2. Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

3.1.2.1. Tổng giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Giá trị tiền lương được giảm trừ	5. Giá trị tài sản hữu hình được giảm trừ	6. Tổng giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo quy định về thuế tài sản toàn cầu
			4.1. Chi tiền lương hợp lệ	5.1. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ	
			4.2. Tỷ lệ giảm trừ	5.2. Tỷ lệ giảm trừ	

3.1.2.2. Phân bổ chi tiền lương và giá trị tài sản hữu hình hợp lệ giữa công ty chính và cơ sở thường trú

1. Quốc gia công ty chính cư trú	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Chi tiền lương hợp lệ của cơ sở công ty chính	5. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của cơ sở công ty chính	6. Quốc gia cơ sở thường trú cư trú	7. Chi tiền lương hợp lệ được phân bổ cho cơ sở thường trú	8. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ được phân bổ cho cơ sở thường trú	9. Chi tiền lương hợp lệ sau khi phân bổ của cơ sở công ty chính	10. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ sau khi phân bổ của cơ sở công ty chính

3.1.2.3. Phân bổ chi tiền lương và giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của đơn vị trung chuyển

1. Quốc gia đơn vị trung chuyển cư trú	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Chi tiền lương hợp lệ của đơn vị trung chuyển	5. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của đơn vị trung chuyển	6. Quốc gia chủ sở hữu đơn vị trung chuyển cư trú	7. Chi tiền lương hợp lệ được phân bổ cho chủ sở hữu của đơn vị trung chuyển	8. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ được phân bổ cho chủ sở hữu của đơn vị trung chuyển	9. Chi tiền lương hợp lệ sau khi phân bổ của đơn vị trung chuyển	10. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ sau khi phân bổ của đơn vị trung chuyển

3.2. Xác định thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh

3.2.1. Tổng số thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh

1	2	3	4	5. Các khoản điều chỉnh																				6
Quốc gia	Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	Tổng khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng sau khi thực hiện phân bổ từ một đơn vị hợp thành này sang đơn vị hợp thành khác	5.1 Khoản chi phí thuế tài sản	5.2 Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp	5.3 Khoản thuế thu nhập cá nhân	5.4 Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp	5.5 Khoản thuế thu nhập cá nhân	5.6 Khoản thuế thu nhập cá nhân	5.7 Khoản thuế thu nhập cá nhân	5.8 Khoản thuế thu nhập cá nhân	5.9 Khoản thuế thu nhập cá nhân	5.10 Khoản thuế thu nhập cá nhân	5.11 Khoản thuế thu nhập cá nhân	5.12 Khoản thuế thu nhập cá nhân	5.13 Khoản thuế thu nhập cá nhân	5.14 Khoản thuế thu nhập cá nhân	5.15 Khoản thuế thu nhập cá nhân	5.16 Khoản thuế thu nhập cá nhân	5.17 Khoản thuế thu nhập cá nhân	5.18 Khoản thuế thu nhập cá nhân	5.19 Khoản thuế thu nhập cá nhân	5.20 Khoản thuế thu nhập cá nhân	Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh

3.2.2. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Số thuế từ năm tài chính báo cáo trước chuyển sang	5. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết phát sinh trong năm tài chính báo cáo	6. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết được sử dụng trong năm tài chính báo cáo	7. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết còn lại cho các năm tài chính báo cáo kế tiếp

3.2.3. Quy định tổng hợp (thuế đầu vào công ty nước ngoài bị kiểm soát) (CFC) trong thời gian chuyển tiếp

1. Quốc gia của công ty nước ngoài bị kiểm soát (CFC)	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Số thuế được phân bổ cho nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia theo quy định tổng hợp thuế đầu vào công ty nước ngoài bị kiểm soát (CFC)

3.2.4. Tính toán theo quốc gia liên quan đến kế toán thuế hoãn lại

3.2.4.1. Các khoản điều chỉnh thuế hoãn lại

a. Tóm tắt tổng quát

b. Xử lý các khoản thuế hoãn lại phải trả và tài sản thuế hoãn lại đối với giao dịch chuyển nhượng tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30 tháng 11 năm 2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp

1. Quốc gia các đơn vị hợp thành chuyển nhượng tài sản cư trú	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Số thuế bên chuyển nhượng tài sản đã nộp đối với giao dịch chuyển nhượng	5. Tài sản thuế hoãn lại hoặc thuế hoãn lại phải trả riêng ghi nhận trên sổ kế toán của đơn vị hợp thành chuyển nhượng tài sản	6. Giá trị tài sản chuyển nhượng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	7. Tài sản thuế hoãn lại hoặc thuế hoãn lại phải trả riêng được xác định đối với tài sản được chuyển nhượng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành nhận chuyển nhượng
...						

3.3 Lựa chọn quốc gia

3.3.1 Các lựa chọn

3.3.1.1 Lựa chọn hàng năm

1. Quốc gia	2. Lựa chọn điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại một nước đối với mỗi năm tài chính trong giai đoạn chuyển từ về các năm tài chính trước đó khi phải sinh tổng thu nhập từ chuyển nhượng tài sản hữu hình là bất động sản tại một nước	3. Lựa chọn xác định khoản giảm không trong yêu cầu đối với thuế thuộc phạm vi áp dụng là một khoản điều chỉnh đối với các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng trong năm tài chính thực hiện việc điều chỉnh	4. Lựa chọn không áp dụng giảm trừ tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ	5. Lựa chọn quy trình quản lý đối với chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết
	☐	☐	☐	☐

3.3.1.2 Lựa chọn năm/năm

1. Quốc gia	2. Lựa chọn không áp dụng điều chỉnh lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu	3. Lựa chọn thay thế các khoản chi phí phát sinh chi trả cho người làm công dựa trên cổ phiếu được ghi nhận trên sổ kế toán bằng khoản chi phí được trừ theo quy định tính thuế thu nhập	4. Lựa chọn nguyên tắc thực tế phát sinh đối với các tài sản và nợ phải trả đang được hạch toán theo giá trị hợp lý hoặc giá trị suy giảm trong Báo cáo tài chính hợp nhất	5. Lựa chọn áp dụng nghiệp vụ kế toán hợp nhất để loại bỏ thu nhập, chi phí, lãi và lỗ từ các giao dịch giữa các đơn vị hợp thành cư trú tại cùng một nước trong cùng báo cáo thuế hợp nhất của tập đoàn
	Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn	Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn

3.3.1.3 Lựa chọn lỗ theo quy định về tối thiểu toàn cầu

1. Quốc gia	2. Lựa chọn lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu
	Năm lựa chọn
	Năm chấm dứt lựa chọn

3.3.2 Thông tin liên quan đến lựa chọn không áp dụng điều chỉnh lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Lãi hoặc lỗ vốn chủ sở hữu đối với Lựa chọn không áp dụng điều chỉnh lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu	5. Số dư khoản đầu tư của chủ sở hữu trong quyền sở hữu đại chuẩn từ những năm tài chính trước	6. Phần bổ sung vào khoản đầu tư của chủ sở hữu trong quyền sở hữu đại chuẩn	7. Phần giảm trừ vào khoản đầu tư của chủ sở hữu trong quyền sở hữu đại chuẩn	8. Số dư còn lại của khoản đầu tư của chủ sở hữu trong quyền sở hữu đại chuẩn
...							

3.3.3 Quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập hợp lý

Các quốc gia lựa chọn công thêm một khoản thuế đối với các khoản được xác định là lợi nhuận đã phân chia vào thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh trong năm tài chính
--

3.3.3.1 Cơ chế thu hồi

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Năm tài chính	5. Khoản thuế đối với các khoản được xác định là lợi nhuận đã phân chia	6. Khoản thuế đối với các khoản được xác định là lợi nhuận đã phân chia đã được trả hoặc đã được sử dụng	7. Số dư còn lại của tài khoản thuế đối với các khoản được xác định là lợi nhuận đã phân chia đã trả hoặc đã được sử dụng
			Năm tài chính liên trước thứ 4		Năm tài chính liên trước thứ 3	
			Năm tài chính liên trước thứ 3		Năm tài chính liên trước thứ 2	
			Năm tài chính liên trước thứ 2	Không áp dụng	Năm tài chính liên trước thứ nhất	
			Năm tài chính liên trước thứ nhất	Không áp dụng	Năm tài chính báo cáo	
			Năm tài chính báo cáo	Không áp dụng	Tổng cộng	

3.3.3.2 Áp dụng Quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập hợp lý khi một đơn vị không còn là thành viên của Tập đoàn đa quốc gia

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Giảm trừ vào khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh đã được xác định cho từng năm tài chính liên quan	5. Số tiền thuế bổ sung tăng thêm do tính lại	6. Tỷ lệ thanh lý thu hồi
...					

3.4 Xác định thuế suất thực tế

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính	5. Thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu (toán cầu)	6. Chỉ phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính	7. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh	8. Thuế suất thực tế
...							

3.5 Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành

3.5.1 Số thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành phát sinh trong trường hợp thuế suất thực tế và thuế bổ sung của năm tài chính trước đó phải tính toán lại

Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Cơ sở của sự điều chỉnh	5. Năm hiện quan	6. Thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu		7. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh		8. Thuế suất thực tế		9. Lợi nhuận tính thuế bổ sung	10. Tỷ lệ thuế bổ sung		11. Thuế bổ sung		12. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành
					a. Đã báo cáo	b. Tính lại	a. Đã báo cáo	b. Tính lại	a. Đã báo cáo	b. Tính lại		a. Đã báo cáo	b. Tính lại	a. Đã báo cáo	b. Tính lại	
...																

3.5.2 Số thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành phát sinh trong trường hợp năm tài chính không có thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại một nước, nếu thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh tại một nước nhỏ hơn 0 và thấp hơn thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh theo dự kiến

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh đối với quốc gia (nếu nhỏ hơn 0)	5. Lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đối với quốc gia	6. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh dự kiến	7. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành
...						

3.6 Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDNTT)

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Chuẩn mực kế toán tài chính áp dụng	5. Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn phải nộp	6. Thuế suất tối thiểu nội địa đạt chuẩn (nếu cao hơn 15%)	7. Cơ sở cho việc kết hợp thuế nhập với thuế (nếu khác với quy định về thuế tối thiểu toàn cầu)	8. Đồng tiền sử dụng (nếu khác với đồng tiền chức năng kế toán)	9. Có áp dụng quy định giảm trừ giá trị tài sản hữu hình và tiền lương?	10. Có số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn được xác định bằng 0?
...								☐ Có ☐ Không	☐ Có ☐ Không

3.7 Tính toán thuế bổ sung

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tỷ lệ thuế bổ sung	5. Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ	6. Lợi nhuận tính thuế bổ sung	7. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành	8. Thuế bổ sung tối thiểu (QDNTT)	9. Thuế bổ sung
...								

3.8 Phân bổ thuế bổ sung

3.8.1 Tổng số thuế bổ sung theo quy định IIR

1. Công ty mẹ áp dụng quy định IIR		2. Đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp		3. Tỷ lệ phân bổ cho công ty mẹ áp dụng quy định IIR		4. Số thuế phân bổ cho công ty mẹ từ số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp		5. Bù trừ nghĩa vụ thuế theo quy định IIR		6. Số thuế phân bổ cho công ty mẹ từ số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp	
1.1. Tên	1.2. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp tại quốc gia cư trú	2.1. Quốc gia	2.2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	2.3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	2.4. Tên đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp	2.5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp tại quốc gia cư trú của đơn vị hợp thành	2.6. Thu nhập theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	2.7. Số thuế bổ sung	3.1. Tỷ lệ phân bổ cho công ty mẹ từ số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp	3.2. Tỷ lệ phân bổ cho công ty mẹ từ số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp	3.3. Tỷ lệ phân bổ cho công ty mẹ từ số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp
...											

3.8.2 Tổng số thuế bổ sung theo quy định UTPR

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp tại quốc gia cư trú	6. Thuế bổ sung theo quy định UTPR	7. Tổng mức thuế bổ sung lợi nhuận chịu thuế dưới mức tối thiểu
...						

3.8.3 Khấu trừ thuế bổ sung theo quy định UTPR

1. Các quốc gia có áp dụng quy định UTPR	2. Kết chuyển thuế bổ sung quy định UTPR	3. Số lượng nhân viên	4. Giá trị còn lại của tài sản hữu hình	5. Thuế suất theo quy định UTPR	6. Khoản thuế bổ sung theo quy định UTPR cho năm tài chính báo cáo	7. Chỉ phí thuế trên mức bổ sung do đơn vị hợp thành phát sinh trong quốc gia áp dụng quy định UTPR	8. Thuế bổ sung theo quy định UTPR còn lại để kết chuyển
...							
Tổng							

4 Số liệu tính toán của từng đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh

4.1 Thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tài thiểu toàn cầu

4.1.1 Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính

1 Quốc gia	2 Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung tăng tại quốc gia	3 Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung tăng tại quốc gia (nếu có)	4 Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5 Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6 Thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính sau khi thực hiện phân bổ thu nhập hoặc lỗ trong đơn vị trung chuyển	7. Các khoản điều chỉnh																								8 Thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tài thiểu toàn cầu
7.1 Chi phí thuế trong	7.2 Cơ sở thuế được loại trừ	7.3 Lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu được loại trừ	7.4 Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại	7.5 Lãi hoặc lỗ do chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả được loại trừ	7.6 Lãi hoặc lỗ về chênh lệch tỷ giá hối đoái được loại trừ	7.7 Các khoản chi phí không được trừ theo quy định	7.8 Sai sót của các kỳ trước	7.9 Những thay đổi về nguyên tắc kế toán	7.10 Chi phí thu nhập trước của Chương trình hưu trí do các quỹ hưu trí cung cấp	7.11 Xóa nợ	7.12 Khoản chi phí phát sinh chi trả cho người làm công dựa trên cổ phiếu	7.13 Điều chỉnh chính sách nguyên tắc giá trị trung bình	7.14 Khoản giảm trừ thuế thu nhập doanh nghiệp theo khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100	7.15 Điều chỉnh do thay đổi chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp	7.16 Phân bổ tăng thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tài thiểu toàn cầu	7.17 Điều chỉnh do thay đổi chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp	7.18 Lãi hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính	7.19 Điều chỉnh do thay đổi chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp	7.20 Điều chỉnh do thay đổi chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp	7.21 Điều chỉnh do thay đổi chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp	7.22 Điều chỉnh do thay đổi chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp	7.23 Điều chỉnh do thay đổi chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp	7.24 Điều chỉnh do thay đổi chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp	7.25 Điều chỉnh do thay đổi chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp	7.26 Điều chỉnh do thay đổi chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp					

4.1.2 Phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa một công ty chính và cơ sở thường trú

1 Quốc gia	2 Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung tăng tại quốc gia	3 Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung tăng tại quốc gia	4 Tên công ty chính	5 Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6 Thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính của đơn vị trung chuyển	7 Tên cơ sở thường trú	8 Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của cơ sở thường trú	9 Quốc gia cơ sở thường trú cư trú	10 Thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính của công ty chính phân bổ cho cơ sở thường trú	11 Thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính của công ty chính sau khi phân bổ

4.1.3 Phân bổ thu nhập hoặc lỗ trong đơn vị trung chuyển

1 Quốc gia	2 Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung tăng tại quốc gia	3 Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung tăng tại quốc gia	4 Tên đơn vị trung chuyển	5 Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị trung chuyển	6 Thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính của đơn vị trung chuyển	7 Tên chủ sở hữu đơn vị trung chuyển	8 Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của chủ sở hữu đơn vị trung chuyển	9 Quốc gia chủ sở hữu đơn vị trung chuyển cư trú	10 Thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính của đơn vị trung chuyển phân bổ cho chủ sở hữu	11 Thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính của đơn vị trung chuyển sau khi phân bổ

4.1.4 Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tài thiểu toàn cầu đối với các giao dịch xuyên quốc gia

1 Quốc gia	2 Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung tăng tại quốc gia	3 Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung tăng tại quốc gia	4 Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5 Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6 Cơ sở của sự điều chỉnh	7 Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan	8 Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan	9 Quốc gia đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan cư trú	10 Giá trị điều chỉnh tăng thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tài thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	11 Giá trị điều chỉnh giảm thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tài thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh

4.1.5 Điều chỉnh thu nhập theo quy định về thuế tài thiểu toàn cầu của Công ty mẹ tại cao trong trường hợp Công ty mẹ tại cao đơn vị trung chuyển hoặc Công ty mẹ tại cao thực hiện cơ chế cho khấu trừ cổ tức

1 Quốc gia	2 Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung tăng tại quốc gia	3 Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung tăng tại quốc gia	4 Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5 Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6 Cơ sở của sự điều chỉnh	7 Tên đối tượng nắm giữ quyền sở hữu hoặc đối tượng nhận cổ tức	8 Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đối tượng nắm giữ quyền sở hữu hoặc đối tượng nhận cổ tức	9 Quốc gia đối tượng nắm giữ quyền sở hữu hoặc đối tượng nhận cổ tức cư trú	10 Thuế suất đánh giá	11 Loại hình đơn vị	12 Tỷ lệ năm giữ quyền sở hữu trực tiếp	13 Giá trị điều chỉnh giảm thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tài thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh

4.2 Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh

4.2.1 Điều chỉnh đối với chi phí thuế hiện hành trong sổ kế toán

1	2	3	4	5	6	7. Các khoản điều chỉnh																	8			
Quốc gia	Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung, thuế tăng tại quốc gia	Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung, thuế tăng tại quốc gia (nếu có)	Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	Tổng khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.1. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.2. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.3. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.4. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.5. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.6. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.7. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.8. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.9. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.10. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.11. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.12. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.13. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.14. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.15. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.16. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.17. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.18. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.19. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.20. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	Thuế thuộc phạm vi áp dụng
						7.1. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.2. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.3. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.4. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.5. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.6. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.7. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.8. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.9. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.10. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.11. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.12. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.13. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.14. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.15. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.16. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.17. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.18. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.19. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7.20. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	Thuế thuộc phạm vi áp dụng

4.2.2. Phân bổ thuế thuộc phạm vi áp dụng tại một đơn vị hợp thành sang một đơn vị hợp thành khác

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung, thuế tăng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung, thuế tăng tại quốc gia (nếu có)	4. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6. Thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7. Cơ sở của sự điều chỉnh	8. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	9. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	10. Quốc gia đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	11. Giá trị khoản điều chỉnh tăng khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	12. Giá trị khoản điều chỉnh giảm khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	13. Thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh

4.2.3. Điều chỉnh thuế hoàn lại

1.	2. Nhóm đơn vị	3. Tên nhóm đơn vị	4. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6. Điều chỉnh chi phí thuế hoàn lại																	7.
Quốc gia	được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung, thuế tăng tại quốc gia	vi được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung, thuế tăng tại quốc gia (nếu có)	thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6.1. Chi phí thuế hoàn lại đối với các khoản không được đưa vào khi tính thu nhập chịu thuế theo Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp	6.2. Chi phí thuế hoàn lại đối với các khoản không được đưa vào khi tính thu nhập chịu thuế theo Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp	6.3. Chi phí thuế hoàn lại đối với các khoản không được đưa vào khi tính thu nhập chịu thuế theo Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp	6.4. Kết quả từ các điều chỉnh hoàn lại đối với các khoản không được đưa vào khi tính thu nhập chịu thuế theo Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp	6.5. Chi phí thuế hoàn lại phát sinh từ việc tính toán thuế suất áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6.6. Chi phí thuế hoàn lại phát sinh từ việc tính toán thuế suất áp dụng tại đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6.7. Khoản lỗ thay thế từ tài sản thuế hoàn lại được chuyển ký sau	6.8. Các khoản thuế hoàn lại phải trả được xác định trước năm tài chính hiện hành	6.9. Các khoản thuế hoàn lại phải trả được xác định trước năm tài chính hiện hành	6.10. Tài sản thuế hoàn lại do tổ chức hành pháp sinh ra, không được ghi trên báo cáo tài chính vì không đáp ứng tiêu chuẩn được kê khai thuế hoàn lại	6.11. Khoản điều chỉnh chi phí thuế hoàn lại do tăng thuế suất	6.12. Khoản điều chỉnh chi phí thuế hoàn lại do tăng thuế suất	6.13. Điều chỉnh đối với đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6.14. Điều chỉnh chi phí thuế hoàn lại của Công ty mẹ tài sản thuế hoàn lại	6.15. Điều chỉnh chi phí thuế hoàn lại của Công ty mẹ tài sản thuế hoàn lại	6.16. Điều chỉnh trong giao dịch chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	7. Tổng các khoản điều chỉnh thuế hoàn lại	

4.3. Các lựa chọn của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh

4.3.1. Lựa chọn hằng năm

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung, thuế tăng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung, thuế tăng tại quốc gia (nếu có)	4. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6. Lựa chọn vào năm	7. Lựa chọn không tính vào tổng các khoản điều chỉnh thuế hoàn lại, khoản trích trước chưa được tính trong năm tài chính
					☐	☐

4.3.2 Lựa chọn năm nộp

Ngày chọn đơn vị loại trừ												
1 Quốc gia	2 Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3 Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4 Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5 Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6 Lựa chọn đơn vị không phải là đơn vị loại trừ		7 Lựa chọn tính tất cả các khoản có liên quan đến quyền sở hữu đầu tư gián tiếp khi xác định thu nhập hoặc là trừ phòng trừ ra đối với khoản đầu tư theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu		8 Lựa chọn điều chỉnh tài hoặc là không tính tỷ lệ liên quan đến công cụ tài chính		9 Lựa chọn xác định một đơn vị hợp thành là đơn vị đầu tư là đơn vị không chịu thuế thu nhập	10 Lựa chọn phương pháp áp dụng quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập
					Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn	Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn	Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn	Năm lựa chọn	Năm chấm dứt lựa chọn

4.3.3 Lựa chọn điều chỉnh giá trị ghi sổ tài sản và khoản nợ phải trả theo giá trị hợp lý trong trường hợp chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả

1 Quốc gia	2 Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3 Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4 Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5 Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6 Năm lựa chọn	7 Lựa chọn điều chỉnh giá trị ghi sổ tài sản và khoản nợ phải trả theo giá trị hợp lý trong trường hợp chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả
						7.1 Tính vào năm tài chính có phát sinh sự kiện điều chỉnh
						7.2 Phân bổ trong năm (05) năm bao gồm năm tài chính phát sinh sự kiện điều chỉnh và bốn (04) năm tài chính liên kế tiếp theo
						☐
						☐

4.4 Loại trừ thu nhập vận tải quốc tế

4.4.1 Loại trừ thu nhập vận tải quốc tế

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6. Thu nhập vận tải quốc tế				7. Thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn				8. Ảnh hưởng từ giá trị tài sản hữu hình và niên lượng được giảm trừ		9. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đối với thu nhập vận tải quốc tế hoặc thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn được loại trừ
					6.1. Danh mục hoạt động	6.2. Doanh thu	6.3. Chi phí	6.4. Thu nhập vận tải quốc tế	7.1. Danh mục hoạt động	7.2. Doanh thu	7.3. Chi phí	7.4. Thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn	8.1. Chi phí niên lượng hợp lệ được sử dụng để tạo ra thu nhập vận tải quốc tế hoặc thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn được loại trừ	8.2. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ được sử dụng để tạo ra thu nhập vận tải quốc tế hoặc thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn được loại trừ	

4.4.2 Giới hạn quốc gia đối với loại trừ thu nhập vận tải quốc tế đạt chuẩn

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tổng thu nhập vận tải quốc tế	5. Giới hạn 50% đối với tổng thu nhập vận tải quốc tế [5] - 50% x [4]	6. Tổng thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn	7. Phần vượt mức giới hạn (7) = [6] - [5]
-------------	--	---	----------------------------------	---	--	---

4.5 Thông tin cho việc lựa chọn phương pháp áp dụng quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6. Các khoản phân chia và các khoản được xác định là đã phân chia từ thu nhập theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị đầu tư được tính vào thu nhập theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của chủ sở hữu đơn vị hợp thành đã thực nhận khoản phân chia đó	7. Tổng số thuế góp được khấu trừ nội địa phát sinh bởi đơn vị đầu tư	8. Phần thu nhập theo tỷ lệ của chủ sở hữu đơn vị hợp thành trong thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của phân chia của đơn vị đầu tư
-------------	--	---	---	---	--	---	--

4.6 Chuẩn mực kế toán khác chuẩn mực kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tài trợ

1. Quốc gia	2. Nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia	3. Tên nhóm đơn vị được yêu cầu tính toán thuế suất thực tế, thuế bổ sung riêng tại quốc gia (nếu có)	4. Tên đơn vị hợp thành có thu nhập hoặc lỗ ròng trên bản cáo tài chính được xác định bằng một chuẩn mực kế toán khác chuẩn mực kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tài trợ	5. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh	6. Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc được phép áp dụng
-------------	--	---	---	---	--

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai /

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên
Chức vụ hành nghề số

..... ngày tháng năm 20.....
ĐƠN VỊ CHỮ TRÁCH NHIỆM KẾ KHAI
hoặc **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA**
ĐƠN VỊ CHỮ TRÁCH NHIỆM KẾ KHAI
(Chữ ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))
(Ký điện tử)

Mẫu số: 01/TNDN-IIR

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG

(Áp dụng đối với Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu)

[01] Năm tài chính báo cáo: Năm Từ/...../..... đến/...../.....

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:.....

[05] Mã số thuế theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu:

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

[09] Đồng tiền khai Tờ khai thông tin:

[10] Lựa chọn đồng tiền kê khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung:

Đồng tiền khai Tờ khai thông tin (khác Đồng Việt Nam) ☐ Đồng Việt Nam ☐

[11] Tỷ giá quy đổi trong trường hợp khai Tờ khai thông tin bằng đồng ngoại tệ và lựa chọn khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung bằng đồng Việt Nam:..... tại Ngân hàng.....

[12] Áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm: ☐

I. TỔNG SỐ THUẾ BỔ SUNG CỦA TẬP ĐOÀN TẠI MỖI QUỐC GIA

Đơn vị tiền:.....

STT	Quốc gia	Số thuế bổ sung của Tập đoàn tại mỗi quốc gia
(1)	(2)	(3)
	Tổng cộng	[13]

II. SỐ THUẾ PHÂN BỐ CHO CÔNG TY MẸ TỪ SỐ THUẾ BỔ SUNG CỦA ĐƠN VỊ HỢP THÀNH CHỊU THUẾ SUẤT THẤP

Đơn vị tiền:.....

Mã số thuế công ty mẹ được phân bổ thuế bổ sung từ đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp	Tên công ty mẹ được phân bổ thuế bổ sung từ đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp	Quốc gia có đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp	Mã số thuế/mã số doanh nghiệp đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp	Tên đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp	Số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp	Thu nhập phân bổ theo quyền sở hữu chủ sở hữu khác năm giữ	Thu nhập theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp trong năm	Tỷ lệ phân bổ cho công ty mẹ đối với đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp trong năm tài chính	Số thuế phân bổ cho công ty mẹ từ số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=((8)-(7))/(8)	(10)=(6) x (9)

Tổng cộng									[14]

III. SỐ THUẾ BỔ SUNG PHẢI NỘP

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tiền	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tổng số thuế phân bổ cho công ty mẹ tại Việt Nam từ số thuế bổ sung của các đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp	[15]		
2	Tổng số thuế phân bổ cho công ty mẹ tại Việt Nam từ số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp được giảm trừ theo quy định IIR (nếu có)	[16]		
3	Tổng số thuế phân bổ cho công ty mẹ tại Việt Nam từ số thuế bổ sung của các đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp sau khi bù trừ nghĩa vụ thuế theo quy định IIR	[17]		
4	Tổng số thuế phân bổ cho công ty mẹ từ số thuế bổ sung của các đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp sau khi bù trừ nghĩa vụ thuế theo đồng Việt Nam trong trường hợp khai Tờ khai thông tin bằng đồng ngoại tệ và lựa chọn khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung bằng đồng Việt Nam (nếu có)	[18]		

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày..... tháng..... năm ...

ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI

hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

/Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN THUYẾT MINH GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH DO KHÁC BIỆT
CHUẨN MỰC KẾ TOÁN TÀI CHÍNH**

[01] Năm tài chính báo cáo: Năm Từ/...../..... đến/...../.....

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:

[05] Mã số thuế theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu:

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

[09] Đồng tiền sử dụng lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao:.....

[10] Áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm: ☐.....

TT	Mã số thuế đơn vị hợp thành	Tên đơn vị hợp thành	Chi tiêu	Mã số chi tiêu	Số liệu trên Báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành	Số liệu trên Báo cáo số liệu tài chính phục vụ mục đích hợp nhất của Công ty mẹ tối cao	Chênh lệch	Nguyên nhân chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (7) - (6)	(9)

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

..., ngày..... tháng..... năm ...

**ĐƠN VỊ HỢP THÀNH CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI
hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ HỢP THÀNH
CHỊU TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

/Ký điện tử)